TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NG** **TỈNH K**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 03/2022/QĐST – KDTM.	*Ng, ngày 27 tháng 9 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày15 tháng 9 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 23/2021/TLST – KDTM ngày 30 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt nam – Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B; Địa chỉ nơi làm việc: số 108 Trần Hưng Đạo – Phường C - H – H. Đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Anh T – Phó giám đốc ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt nam, chi nhánh K. Địa chỉ nơi làm việc: Số 92 đường Tr, Phường Th, thành phố K, Tỉnh K.

- **Bị đơn**: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1975; Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu và nơi ở: Thôn I, xã P, huyện Ng, tỉnh K.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972; Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu và nơi ở: Thôn I, xã P, huyện Ng, tỉnh K.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về khoản nợ: Nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ đòi 1.247.024.659đ và rút lại 01 tài sản bảo đảm. Bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Văn H công nhận đến ngày 19- 9-2022 còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 1.065.000.000đ,

lãi trong hạn là 31.642.750đ, lãi quá hạn là 150.381.900đ. Tổng cộng là 1.247.024.659đ (một tỷ hai trăm bốn bảy triệu, không trăm hai bốn nghìn, sáu trăm năm chín đồng) và lãi suất phát sinh.

2.2.Về thời gian trả nợ: Bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Văn H trả nợ cho Ngân hàng vào ngày 20/10/2022.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Văn H không trả được khoản nợ trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu thi hành án đối với tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 558NH/2016/HĐTC ngày 11/8/2016 để thu hồi nợ đối với các tài sản thế chấp:

- Tài sản thế chấp thứ nhất: Quyền sử dụng đất: Thửa đất số 07a, tờ bản đồ số 67. Địa chỉ: Thôn I, xã P, huyện Ng, tỉnh K. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BC 402805 do UBND huyện Ng, tỉnh K cấp ngày 13/01/2014 cho bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Văn H.

- Tài sản thế chấp thứ hai: Quyền sử dụng đất: Thửa đất số 66a, tờ bản đồ số 37. Địa chỉ: Thôn I, xã P, huyện Ng, tỉnh K. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BT 157393 do UBND huyện Ng, tỉnh K cấp ngày 25/05/2016 cho bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Văn H.

- Tài sản thế chấp thứ ba: Quyền sử dụng đất: Thửa đất số 08a, tờ bản đồ số 31. Địa chỉ: Thôn I, xã P, huyện Ng, tỉnh K. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BC 402806 do UBND huyện Ng, tỉnh K cấp ngày 13/01/2014 cho bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Văn H.

- Tài sản thế chấp thứ tư: Quyền sử dụng đất: Thửa đất số 56a, 56b, tờ bản đồ số 36. Địa chỉ: Thôn I, xã P, huyện Ng, tỉnh K. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BC 402748 do UBND huyện Ng, tỉnh K cấp ngày 06/11/2013 cho bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Văn H.

- Tài sản thế chấp thứ năm: Quyền sử dụng đất: Thửa đất số 06c1, tờ bản đồ số 01. Địa chỉ: Thôn I, xã P, huyện Ng, tỉnh K. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BI 427036 do UBND huyện Ng, tỉnh K cấp ngày 08/02/2012 cho bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Văn H.

2.3.Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ để trả khoản nợ trên và lãi suất phát sinh thì bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Văn H phải tiếp tục trả tiền cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt nam

2.4. Về án phí: Căn cứ Điều 144 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Văn H nhận nộp 24.705.000đ *(Hai mươi bốn triệu, bảy trăm linh năm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, trả lại cho ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt nam - chi nhánh K số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 30.337.000đ *(ba mươi triệu,ba trăm ba bảy nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0002691 ngày 30/11/2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Ng, tỉnh K.

2.5. Về tiền chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ hết số tiền 3.200.000đ. bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Văn H nhận nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.200.000đ, nên bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Văn H phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt nam - chi nhánh K số tiền 3.200.000đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng) mà Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt nam - chi nhánh K đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn;
- Đồng bị đơn;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- TAND tỉnh;
- Lưu: HSVA.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Thị Kim Oanh